

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNHCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 43 /2025/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày 21 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành quy định hướng dẫn áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi,
hỗ trợ cho hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ
môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày
10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo
vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 12 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định một số nội dung về lâm
nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục
tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc ban hành Đề án phát triển du lịch cộng đồng gắn
với xây dựng nông thôn mới tỉnh Hòa Bình đến năm 2030;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 235/TTr-SNNMT ngày 20 tháng 3 năm 2025;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Ban hành quy định hướng dẫn áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định hướng dẫn áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UB TV Quốc hội (báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh Hòa Bình;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh Hòa Bình;
- Đài Phát thanh Truyền hình Hòa Bình, Báo Hòa Bình;
- Trung tâm Tin học và Công báo (đăng tải);
- Website tỉnh Hòa Bình;
- Lưu: VT, KTN (Hg).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Đức Hình

QUY ĐỊNH

Hướng dẫn áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

*(Kèm theo Quyết định số: 43 /2025/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này hướng dẫn áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cộng đồng dân cư, và cá nhân (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Việc xây dựng cảnh quan và bảo vệ môi trường nông thôn phải đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Bảo vệ môi trường, các tiêu chí xây dựng, phát triển nông thôn do Chính phủ ban hành và các hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

2. Nguyên tắc ưu đãi hỗ trợ cho hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh Hòa Bình được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 141 Luật Bảo vệ môi trường.

Chương II CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ CHO HOẠT ĐỘNG XỬ LÝ CHẤT THẢI, XÂY DỰNG CẢNH QUAN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

Điều 4. Nhóm ngành nghề, hoạt động được ưu đãi, hỗ trợ về xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn

1. Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề thu gom, xử lý, tái chế hoặc tái sử dụng chất thải bao gồm:

- a) Xử lý và tiêu hủy chất thải rắn (rác thải);
- b) Thu gom chất thải rắn (rác thải);
- c) Thu gom, xử lý nước thải;
- d) Tái chế hoặc tái sử dụng chất thải.

2. Doanh nghiệp sản xuất, cung cấp công nghệ, thiết bị, sản phẩm và dịch vụ, phục vụ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Khoản 2, Phụ lục XXX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3. Hoạt động bảo vệ môi trường không phải là hoạt động đầu tư kinh doanh theo quy định tại khoản 3, Phụ lục XXX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Điều 5. Cơ chế, chính sách hỗ trợ về đất đai

1. Chủ đầu tư dự án xây dựng công trình xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 4 của Quy định này được hỗ trợ về đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng theo quy định tại Khoản 1, Điều 132 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ:

a) Nhà nước ưu tiên bố trí quỹ đất gắn với các công trình, hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật (*đường giao thông, điện, cấp thoát nước, thông tin liên lạc, năng lượng*) sẵn có ngoài phạm vi dự án nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;

b) Trường hợp nhà nước không bố trí được quỹ đất gắn với các công trình, hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật sẵn có ngoài phạm vi dự án nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực, chủ đầu tư dự án được hưởng chính sách như hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Ưu đãi về miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 132 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, được hưởng ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai như các đối tượng thuộc dự án, ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư và ngành, nghề ưu đãi đầu tư.

Điều 6. Cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ về vốn đầu tư

1. Ưu đãi từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Hòa Bình:

a) Chủ đầu tư dự án thực hiện hoạt động quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 4 của Quy định này nếu áp dụng công nghệ xử lý chất thải có tỷ lệ chất thải phải chôn lấp sau xử lý dưới 30% tính trên tổng lượng chất thải rắn thu gom thì được vay vốn với lãi suất ưu đãi tối đa không quá 50% mức lãi suất tín dụng đầu tư của nhà nước do cơ quan có thẩm quyền công bố tại thời điểm cho vay, tổng mức vay

vốn không quá 80% tổng mức đầu tư xây dựng công trình; được ưu tiên hỗ trợ sau đầu tư từ nguồn chênh lệch thu chi hàng năm.

b) Chủ đầu tư dự án thực hiện các hoạt động quy định tại Khoản 3 Điều 55 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 4 của Quy định này mà không thuộc đối tượng quy định tại Điểm a Khoản này được vay vốn với lãi suất ưu đãi tối đa không quá 50% mức lãi suất tín dụng đầu tư của nhà nước do cơ quan có thẩm quyền công bố tại thời điểm cho vay, tổng mức vay vốn không quá 70% tổng mức đầu tư xây dựng công trình; được ưu tiên hỗ trợ sau đầu tư từ nguồn chênh lệch thu chi hàng năm.

2. Ưu đãi từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam: được thực hiện theo quy định của Chính phủ về tín dụng đầu tư của Nhà nước.

3. Việc cấp bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tại các tổ chức cho vay theo quy định của pháp luật về bảo lãnh tín dụng.

4. Ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất trực tiếp cho chủ đầu tư sau khi tất toán các khoản tín dụng trung, dài hạn để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường theo Điều 4 của Quy định này và dự án được cấp tín dụng xanh tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Chủ đầu tư cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng minh dự án và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hiệu quả, chính xác về đối tượng được hưởng hỗ trợ lãi suất.

Điều 7. Cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế, phí và lệ phí

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư thuộc Danh mục hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 4 của Quy định này được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Ưu đãi về thuế xuất khẩu: Sản phẩm được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải đáp ứng được các quy định của pháp luật chất lượng sản phẩm hành hóa thuộc Danh mục hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quy định này được miễn thuế xuất khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu khi đáp ứng được các tiêu chí a, b, c, d thuộc Khoản 2, Điểm 49, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

3. Ưu đãi về thuế nhập khẩu: Máy móc, thiết bị, phương tiện, dụng cụ, vật tư chuyên dùng để sử dụng trong công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường được miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu khi đáp ứng được các tiêu chí a, b, c, d thuộc Khoản 3, Điểm 49, Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

4. Ưu đãi các chính sách thuế, phí, lệ phí khác được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí.

Điều 8. Cơ chế, chính sách trợ giá sản phẩm, dịch vụ

1. Danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích về bảo vệ môi trường thực hiện

theo quy định tại Khoản 1 Điều 135 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

2. Việc trợ giá đối với sản phẩm, dịch vụ công ích quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Điều 9. Mua sắm xanh đối với dự án đầu tư, nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 136 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Điều 10. Cơ chế, chính sách hỗ trợ quảng bá các hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn

Thực hiện theo quy định tại Điều 137 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Điều 11. Hỗ trợ đối với việc cải tạo cảnh quan môi trường nông thôn

Hỗ trợ đối với việc cải tạo cảnh quan môi trường nông thôn thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 22/2024/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định một số nội dung về lâm nghiệp thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Quy định này, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường kết quả thực hiện theo quy định.

2. Sở Tài chính phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Sở, Ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xem xét, tổng hợp, bổ sung vào danh mục đầu tư công trung, dài hạn đối với các dự án xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn theo phương thức xã hội hóa và các hình thức đầu tư khác về bảo vệ môi trường nông thôn theo quy định.

Chủ trì kêu gọi, thu hút, hướng dẫn thực hiện thủ tục đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư tham gia đầu tư các dự án xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

Cân đối theo khả năng ngân sách tham mưu việc bố trí kinh phí cho hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn đối với nhiệm vụ thuộc nguồn vốn sự nghiệp theo đúng quy định.

3. Các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức triển khai thực hiện Quy định này và chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra việc thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.
